

Họ và tên thí sinh:..... Số báo danh :.....

Mã đề 301

- Câu 41.** Mùa mưa ở miền Nam dài hơn miền Bắc nước ta chủ yếu do
- A. miền Nam có vị trí địa lí gần khu vực xích đạo hơn.
 - B. hoạt động kéo dài của gió mùa Tây Nam ở phía nam.
 - C. thời gian giữa hai lần Mặt trời lên thiên đỉnh ngắn hơn.
 - D. hoạt động lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới từ bắc vào nam.
- Câu 42.** Khí hậu phần lãnh thổ phía Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của
- A. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.
 - B. gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.
 - C. Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.
 - D. gió hướng tây nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.
- Câu 43.** Phần lãnh thổ phía Nam, thành phần loài sinh vật chiếm ưu thế là
- A. cận nhiệt đới và xích đạo.
 - B. cận xích đạo và cận nhiệt đới.
 - C. xích đạo và nhiệt đới.
 - D. nhiệt đới và cận nhiệt đới.
- Câu 44.** Vùng núi nào sau đây ở nước ta có đầy đủ ba đai cao?
- A. Tây Bắc.
 - B. Trường Sơn Bắc.
 - C. Trường Sơn Nam.
 - D. Đông Bắc.
- Câu 45.** Nước ta có nền nhiệt độ cao chủ yếu do
- A. nằm trong vùng nội chí tuyến.
 - B. địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
 - C. nằm tiếp giáp với Biển Đông.
 - D. chịu tác động của gió Tín phong.
- Câu 46.** Giới hạn dưới của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Nam cao hơn miền Bắc nước ta chủ yếu do
- A. nằm ở vĩ độ cao hơn và ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
 - B. nằm ở vĩ độ thấp hơn và ít chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
 - C. có đồng bằng châu thổ rộng và ảnh hưởng Biển Đông sâu sắc hơn.
 - D. ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình núi thấp hơn.
- Câu 47.** Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?
- A. Campuchia và Trung Quốc.
 - B. Lào và Thái Lan.
 - C. Lào và Campuchia.
 - D. Lào và Trung Quốc.
- Câu 48.** Kiểu thời tiết lạnh ẩm xuất hiện vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc nước ta là do
- A. khối khí lạnh di chuyển lệch đông qua biển.
 - B. ảnh hưởng của gió mùa mùa hạ đến sớm.
 - C. gió mùa mùa đông đi qua lục địa phương Bắc.
 - D. khối khí nhiệt đới ẩm Bắc Ấn Độ Dương.
- Câu 49.** Nguyên nhân chính làm thiên nhiên phân hóa theo Đông - Tây ở vùng đồi núi nước ta là do
- A. gió mùa và độ cao địa hình.
 - B. gió mùa và hướng các dãy núi.
 - C. gió mùa và ảnh hưởng của biển.
 - D. hướng núi và độ cao địa hình.
- Câu 50.** Sự phân hóa theo đai cao ở nước ta thể hiện rõ nhất của thành phần tự nhiên nào sau đây?
- A. Khí hậu, đất đai, sông ngòi.
 - B. Sông ngòi, đất đai, sinh vật.
 - C. Khí hậu, đất đai, sinh vật.
 - D. Khí hậu, địa hình, sinh vật.
- Câu 51.** Sự phân hóa thiên nhiên của vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa
- A. theo hướng sườn núi.
 - B. theo chiều Đông - Tây.
 - C. theo độ cao địa hình.
 - D. theo chiều Bắc - Nam.

Câu 52. Sinh vật Biển Đông tiêu biểu cho hệ sinh vật vùng biển

- A. nhiệt đới. B. ôn đới. C. cận nhiệt đới. D. xích đạo.

Câu 53. Sinh vật cận nhiệt và ôn đới ở phần lãnh thổ phía Bắc đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do

- A. vị trí ở xa xích đạo, Tín phong đông bắc, tiếp giáp Biển Đông.
B. nằm ở gần vùng ngoại chí tuyến, gió tây nam, lãnh thổ rộng lớn.
C. nằm ở vùng nội chí tuyến, gió mùa Tây Nam, độ cao địa hình.
D. vị trí gần chí tuyến Bắc, gió mùa Đông Bắc, đầy đủ ba đai cao.

Câu 54. Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở

- A. vịnh biển nông, thềm lục địa thu hẹp.
B. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng.
C. vịnh biển sâu, thềm lục địa thu hẹp.
D. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.

Câu 55. Mạng lưới sông ngòi nước ta dày đặc chủ yếu do

- A. lãnh thổ hẹp ngang, hướng nghiêng địa hình ra phía biển.
B. hướng núi, hướng nghiêng địa hình Tây Bắc - Đông Nam.
C. đất nước nhiều đồi núi, tổng lượng mưa trong năm lớn.
D. lượng mưa lớn, nhiều sông từ ngoài lãnh thổ chảy vào.

Câu 56. Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi đối với sông ngòi nước ta là

- A. tổng lượng cát bùn lớn. B. tạo dòng chảy mạnh.
C. có nhiều phụ lưu lớn. D. tốc độ bào mòn rất nhỏ.

Câu 57. Nguyên nhân chủ yếu tạo nên sự đa dạng về đất ở vùng đồi núi nước ta là do

- A. sự phân hóa đa dạng của khí hậu và sinh vật theo độ cao và hướng sườn.
B. quá trình phong hóa diễn ra không đồng nhất giữa các vùng đồi và núi.
C. sự phân hóa phức tạp của khí hậu cùng với sự đa dạng sinh vật, đá mẹ.
D. lịch sử hình thành qua nhiều giai đoạn tạo các nền địa chất khác nhau.

Câu 58. Ở nước ta, quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng

- A. đồng bằng. B. núi trung bình. C. núi cao. D. đồi núi thấp.

Câu 59. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có biên độ nhiệt năm nhỏ chủ yếu do tác động của

- A. địa hình cao nguyên, gió mùa đông, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
B. các gió mùa hạ, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió mùa Đông Bắc.
C. thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, gió, vị trí nằm ở gần vùng xích đạo.
D. vùng biển rộng, thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh, vị trí ở xa chí tuyến.

Câu 60. Vùng núi nào sau đây có giới hạn từ nam sông Cả tới dãy Bạch Mã?

- A. Trường Sơn Nam. B. Đông Bắc. C. Tây Bắc. D. Trường Sơn Bắc.

Câu 61. Khí hậu miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có đặc điểm nào sau đây?

- A. Nóng, ẩm quanh năm. B. Tính chất cận xích đạo.
C. Khô nóng quanh năm. D. Có một mùa đông lạnh.

Câu 62. Biện pháp mở rộng diện tích rừng sản xuất ở nước ta là

- A. tích cực trồng mới. B. lập vườn quốc gia.
C. tăng cường khai thác. D. làm ruộng bậc thang.

Câu 63. Biện pháp nào là chủ yếu nhất để cải tạo đất hoang, đồi núi trọc?

- A. Bảo vệ đất rừng và trồng rừng mới.
B. Đầu tư thủy lợi, làm ruộng bậc thang.
C. Phát triển mô hình nông - lâm kết hợp.
D. Trồng cây theo băng, đào hố vảy cá.

Câu 64. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết dãy núi nào sau đây có hướng tây - đông?

- A. Hoàng Liên Sơn. B. Bạch Mã. C. Con Voi. D. Ngân Sơn.

Câu 65. Ở khu vực địa hình thấp, rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh được hình thành ở nơi có

- A. mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô rõ rệt.
B. nhiệt độ cao, 2 mùa mưa khô phân hóa rõ rệt.
C. tổng lượng mưa trong năm lớn, mùa khô kéo dài.
D. mưa nhiều, khí hậu ẩm ướt, mùa khô không rõ.

Câu 66. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta có vĩ độ thấp nhất?

- A. Hà Giang. B. Điện Biên. C. Khánh Hòa. D. Cà Mau.

Câu 67. Địa hình của vùng núi Tây Bắc nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chủ yếu là đồi núi thấp, hướng tây bắc - đông nam.
 B. Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở hai đầu, thấp ở giữa.
 C. Địa hình cao nhất nước, hướng tây bắc - đông nam.
 D. Có sự bất đối xứng rõ rệt giữa hai sườn Đông - Tây.

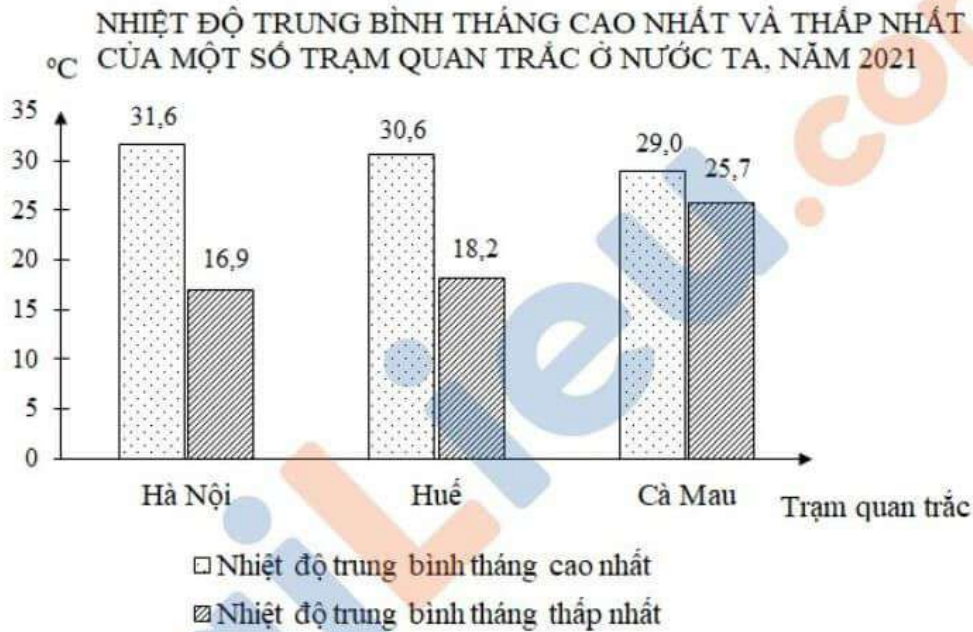
Câu 68. Nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta thường có kiểu thời tiết

- A. lạnh, ẩm. B. ấm, ẩm. C. lạnh, khô. D. ấm, khô.

Câu 69. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết tỉ lệ diện tích lưu vực của hệ thống sông nào sau đây nhỏ nhất?

- A. Sông Thu Bồn. B. Sông Đồng Nai. C. Sông Hồng. D. Sông Mê Công.

Câu 70. Cho biểu đồ:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Từ biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh chế độ nhiệt giữa các trạm quan trắc?

- A. Hà Nội có biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn Cà Mau.
 B. Cà Mau có nhiệt độ trung bình tháng cao nhất cao hơn Hà Nội.
 C. Hà Nội có nhiệt độ trung bình tháng cao nhất thấp hơn Huế.
 D. Huế có nhiệt độ trung bình tháng thấp nhất cao hơn Cà Mau.

Câu 71. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn. B. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn nhiều.
 C. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn nhiều. D. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn rất nhiều.

Câu 72. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ ĐỘ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2020

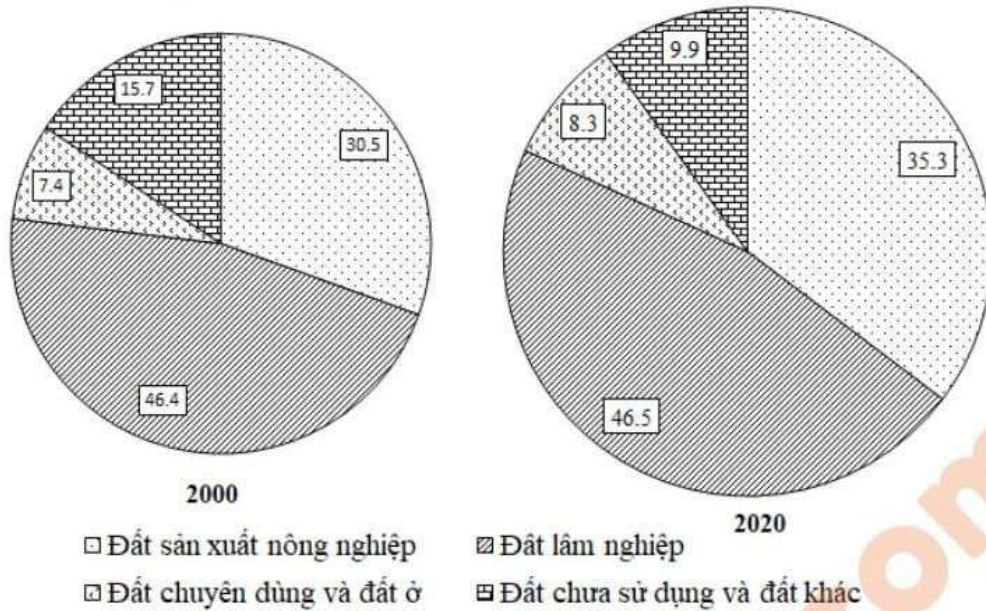
Năm	Diện tích đất có rừng (triệu ha)	Rừng tự nhiên (triệu ha)	Rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ rừng (%)
2005	12,7	10,2	2,5	38,0
2010	13,4	10,3	3,1	39,5
2015	14,1	10,2	3,9	40,8
2020	14,7	10,3	4,4	42,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

- A. Độ che phủ rừng giảm liên tục qua các năm.
 B. Diện tích rừng trồng tăng liên tục qua các năm.
 C. Diện tích rừng tự nhiên luôn nhỏ hơn rừng trồng.
 D. Tổng diện tích đất có rừng có xu hướng giảm.

Câu 73. Cho biểu đồ về sử dụng đất ở nước ta năm 2000 và 2020:



(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Diện tích các loại đất sử dụng ở nước ta năm 2000 và 2020.
- B. Quy mô và cơ cấu sử dụng đất ở nước ta năm 2000 và 2020.
- C. Chuyển dịch cơ cấu sử dụng đất ở nước ta năm 2000 và 2020.
- D. Tốc độ tăng trưởng các loại đất của nước ta năm 2000 và 2020.

Câu 74. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi Yên Tử nằm trên cánh cung nào sau đây?

- A. Đông Triều.
- B. Bắc Sơn.
- C. Sông Gâm.
- D. Ngân Sơn.

Câu 75. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết vườn quốc gia nào sau đây nằm ở phân khu động vật Nam Bộ?

- A. Tràm Chim.
- B. Cát Bà.
- C. Bạch Mã.
- D. Yok Đôn.

Câu 76. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết vịnh biển nào sau đây nằm ở phía Bắc của vịnh Nước Ngọt?

- A. Vịnh Đà Nẵng.
- B. Vịnh Quy Nhơn.
- C. Vịnh Vân Phong.
- D. Vịnh Xuân Đài.

Câu 77. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết loại đất nào sau đây chiếm diện tích chủ yếu ở Đồng bằng sông Hồng?

- A. Đất phù sa sông.
- B. Đất mặn.
- C. Đất cát biển.
- D. Đất phèn.

Câu 78. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

- A. Bi Doup.
- B. Bà Rá.
- C. Braian.
- D. Lang Bian.

Câu 79. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết khí tự nhiên có ở mỏ nào sau đây?

- A. Rạng Đông.
- B. Hồng Ngọc.
- C. Tiền Hải.
- D. Bạch Hồ.

Câu 80. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA ĐÀ LẠT VÀ NHA TRANG

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Đà Lạt	15,8	16,6	18,3	19,0	20,0	19,6	19,0	19,5	18,8	18,5	18,2	16,1
Nha Trang	23,7	24,3	26,7	27,9	29,1	29,4	29,2	29,2	28,0	27,6	26,3	25,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Để thể hiện nhiệt độ trung bình tháng của Đà Lạt và Nha Trang, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Cột.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Kết hợp.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

ĐÁP ÁN ĐỊA LÍ 12

Câu	Mã 301	Mã 302	Mã 303	Mã 304
41	B	A	C	B
42	D	A	A	D
43	C	D	D	B
44	A	C	D	A
45	A	A	C	D
46	B	D	D	D
47	C	C	A	C
48	A	B	B	B
49	B	C	A	B
50	C	B	A	D
51	B	D	C	C
52	A	C	A	C
53	D	B	C	A
54	D	D	C	B
55	C	A	A	B
56	A	A	B	A
57	C	C	C	D
58	D	C	C	A
59	C	D	A	B
60	D	B	D	C
61	D	C	D	B
62	A	B	C	B
63	C	A	B	A
64	B	C	D	C
65	D	C	D	A
66	D	D	D	B
67	C	A	D	B
68	C	C	D	A
69	A	C	A	D
70	A	D	D	B
71	C	D	A	D
72	B	D	D	C
73	B	C	A	A
74	A	A	D	D
75	A	B	A	C
76	A	D	C	D
77	A	C	C	C
78	A	C	C	A
79	C	A	A	A
80	B	A	C	A